

Bản án số: **131/2017/HSST**
Ngày: 01/08/2017

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BÌNH TÂN - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Nhất Bình

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Minh Khiết.

Bà Nguyễn Kim Dung.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Vũ Quốc Cường, cán bộ Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Cao Đoàn Lê– Kiểm sát viên.

Ngày 01/08/2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 124/2017/HSST ngày 04 tháng 07 năm 2017, đối với các bị cáo:

1/Trần Cẩm T; Sinh năm 1994 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Thường trú: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông Trần Chánh T và bà Hồ Thị H; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt ngày 12/12/2016; *(Có mặt)*.

2/Ngô Chí L; Sinh năm 1987 tại Thành phố Hồ Chí Minh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Thường trú: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: Không; Trình độ văn hóa: 5/12; Con ông Ngô Đức L và bà Lâm Thanh T; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt ngày 14/12/2016; *(Có mặt)*.

3/Vương Hùng V; Sinh năm 1996 tại Bến Tre; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Thường trú: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Nghề nghiệp: thợ sửa xe; Trình độ văn hóa: 11/12; Con ông Vương Huy L và bà Nguyễn Thị Bích T; Tiền án, tiền sự: không; Bị bắt ngày 14/12/2016; *(Có mặt)*.

Người bị hại:

1/ Bà Nguyễn Thị Ngọc D; sinh năm: 1985; Thường trú: Phường A, Thành phố C, tỉnh Đ; Chỗ ở: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh *(Có mặt)*.

2/ Ông Đặng Hồng L; sinh năm: 1983; Thường trú: Thôn B, xã H, huyện H, tỉnh B; Chỗ ở: phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

3/ Bà Nguyễn Thị Tường V; sinh năm: 1993; Thường trú: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. (Vắng mặt)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Ông Trần Hải N; sinh năm: 1985; Thường trú: phường V, Thành phố N, tỉnh Nam Định; Chỗ ở: phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

2/ Ông Phạm Tấn P; sinh năm: 1980; Thường trú: phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

3/ Ông Vương Thành N; sinh năm: 1995; Thường trú: Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở: xã P, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh; (Vắng mặt).

NHẬN THẤY:

Bị cáo Trần Cẩm T, Ngô Chí L, Vương Hùng V bị Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Vào khoảng 19 giờ ngày 12/12/2016, Ngô Chí L đang ở khách sạn T đường T, phường B, quận B thì có Vương Hùng V điện thoại cho L nói “Có một xe mô tô (xe 02 bánh gắn máy) gần nhà của V không có người trông coi và hỏi L có đồ nghề không”, đồng thời V rủ L trộm cắp chiếc xe này thì L đồng ý. Khi L chuẩn bị đi thì Trần Cẩm T đi mua đồ về hỏi L đi đâu thì L nói “thằng em có kèo”. T hiểu L đi trộm cắp tài sản nên xin đi tham gia.

L điều khiển xe mô tô hiệu Luvias (không rõ biển số) chở T đi đến đường Đ gần nhà của V thì dừng lại điện thoại kêu V đi bộ ra. Lúc này T lấy từ trong người ra bộ đồ án (dụng cụ phá khóa xe gồm một thanh kim loại dài 15cm có một đầu dẹp và một cây chìa khóa số 8). L quay đầu xe đứng cạnh giới, T cũng đứng gần đó khoảng 2-3 mét để cạnh giới. V đi vào bên trong dùng đoạn bẻ khóa xe mô tô hiệu Suzuki mang biển số 55P4-3896 của anh Đặng Hồng L để trước cửa nhà đường Đ, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh nổ máy chạy ra ngoài. Cả ba cùng tẩu thoát về hướng đường L, khi đến gần đường T thì xe của L hết xăng nên V qua xe của L để T điều khiển xe 55P4-3896 đẩy xe của L đến cây xăng trên đường T đổ xăng. T điều khiển xe 55P4-3896 đi thì L hẹn gặp tại khách sạn T.

Ông Đặng Hồng L được người dân gần đó phát hiện việc xe ông L bị trộm cắp nên báo cho ông L biết, ông L nhờ người quen chở đi tìm kiếm; khi đến đường T, ông L thấy T đang điều khiển xe của mình nên tri hô “Cướp, cướp”, T bỏ chạy đến trước nhà T bị té ngã xe, người dân bắt giữ giao công an phường B lập biên bản bắt người phạm tội quả tang, chuyển Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Tân điều tra theo thẩm quyền.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Bình Tân, Trần Cẩm T khai nhận hành vi phạm tội trộm cắp tài sản nêu trên, đồng thời nhận dạng qua hình ảnh T xác định Ngô Chí L và Vương Hùng V là người cùng T trộm cắp chiếc xe 55P4-3896 của anh Đặng Hồng L. Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành truy xét triệu tập Ngô Chí L và Vương Hùng V đến làm việc thì L và V khai nhận hành vi phạm tội của mình. Ngoài vụ trộm cắp xe mô tô nêu trên Trần Cẩm T còn khai nhận cùng một số đối tượng khác trộm cắp 02 xe mô tô, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất:

Ngày 21/9/2016 đối tượng Thanh Điếc (không rõ nhân thân) lưu trú tại khách sạn N ở phường B, quận Bình Tân lấy trộm chìa khóa và thẻ giữ xe mô tô trên quầy lễ tân đưa cho T. T dùng thẻ xe vào khách sạn lấy xe Honda Vision màu đỏ mang biển đăng ký số 59M1-374.54 của bà Nguyễn Thị Tường V đem ra ngoài cùng Thanh điếc đi bán được 4.000.000 đồng chia nhau tiêu xài. Ngày 14/12/2016, bà V đến công an phường B trình báo.

Đến ngày 17/01/2017, bà Nguyễn Thị Tường V được Đội cảnh sát giao thông – Công an Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh thông báo sẽ làm thủ tục sang tên xe mô tô 59M1-374.54 cho ông Vương Thành N nên chị V đến Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Tân trình báo sự việc. Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an quận Bình Tân mời ông N đến làm việc và thông báo cho ông N biết chiếc xe mô tô 59M1-374.54 là vật chứng của vụ án thì ông N giao nộp lại chiếc xe.

Chiếc xe mô tô 59M1-374.54 do ông Vương Thành N mua lại của anh Phạm Tấn P với giá 18.800.000 đồng. Ông P lại mua chiếc xe này từ cửa hàng cầm đồ H do ông Trần Hải N làm chủ với giá 17.000.000 đồng. Ông N nhận cầm xe mô tô 59M1-374.54 của một người tên K không rõ lai lịch, do không thấy người này quay lại chuộc xe nên ông N bán xe lại cho ông P.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng thời gian rạng sáng ngày 22/10/2016, T vào khách sạn K phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện trên quầy lễ tân có chìa khóa xe, nhân viên khách sạn thì ngủ nên T đi đến lấy chìa khóa xe đi ra lấy trộm xe Honda Vision mang biển số 66P1-610.33 của bà Nguyễn Thị Ngọc D đem ra ngoài chạy về nhà số Phường A, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh thì gặp Trần Thanh Phúc (Phúc mập). Phúc nói trước đây T lấy của Phúc chiếc xe Honda Dream nên Phúc lấy lại chiếc xe này. T không đồng ý thì Phúc đánh T, thì T bỏ đi về không dám tố cáo. Ngày 13/12/2016, bà D đến công an phường Bình Trị Đông B trình báo sự việc.

Kết luận định giá tài sản số 980/KL-HĐĐGTTTHS ngày 21/12/2016 và số 78/KL-HĐĐGTTTHS ngày 14/02/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân kết luận 01 xe mô tô hiệu Suzuki mang biển số 55P4-3896 có giá trị là 8.500.000 đồng; 01 xe mô tô hiệu Honda Vision mang biển số 59M1-374.54 có giá trị là 24.000.000 đồng và 01 xe mô tô hiệu Honda Vision mang biển số 66P1-610.03 có giá trị là 30.000.000 đồng.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi như đã nêu trên.

Vật chứng của vụ án gồm:

- 01 bộ đoạn để phá khóa gồm: 01 mũi đoạn và thân đoạn hình chữ L, 01 cây mở khóa hiệu Vakio, 01 cây vít dẹp điện, 01 cây kèm cộng lực.
- 01 điện thoại di động hiệu Mobistar thu giữ của Ngô Chí L.

Cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 08/03/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân truy tố bị cáo Trần Cẩm T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự, truy tố các bị cáo Ngô Chí L, Vương Hùng V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận hành vi như nội dung Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đã đánh giá tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi của các bị cáo, đánh giá vai trò, các tình tiết tăng nặng, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của từng bị cáo và

đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm e khoản 2 Điều 138, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Trần Cẩm T với mức án từ 03 đến 04 năm tù; áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, xử phạt các bị cáo:

- Bị cáo Ngô Chí L với mức án từ 09 đến 12 tháng tù.
- Bị cáo Vương Hùng V với mức án từ 09 đến 12 tháng tù.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo, người bị hại.

XÉT THẤY

Lời khai nhận tại phiên tòa của các bị cáo Trần Cẩm T, Ngô Chí L, Vương Hùng V là khách quan, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của những người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, vật chứng cùng các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập được trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận vào khoảng 19 giờ ngày 12/12/2016, các bị cáo Trần Cẩm T, Ngô Chí L, Vương Hùng V cùng thống nhất ý chí, cùng phối hợp thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô (xe 02 bánh gắn máy) hiệu Suzuki, biển số 55P4-3896 của ông Đặng Hồng L tại trước nhà đường Đ, phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi chiếm đoạt được chiếc xe trên, Trần Cẩm T điều khiển đến trước nhà đường T, quận Bình Tân thì bị bắt giữ.

Kết luận định giá tài sản số 980/KL-HĐĐGTTTHS ngày 21/12/2016 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân xác định 01 xe mô tô hiệu Suzuki mang biển số 55P4-3896 có giá trị là 8.500.000 đồng

Như vậy, có đủ cơ sở để xác định hành vi của các bị cáo Trần Cẩm T, Ngô Chí L, Vương Hùng V đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Hành vi phạm tội của Ngô Chí L, Vương Hùng V thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Trần Cẩm T, ngoài hành vi cùng với các bị cáo L, V thực hiện hành vi trộm cắp tài sản nêu trên, bị cáo T còn thực hiện những hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của những người khác gồm:

Vụ thứ nhất:

Ngày 21/9/2016, tại quầy lễ tân của khách sạn N lợi dụng sự lơ là trong quản lý tài sản của bà Nguyễn Thị Tường V, đối tượng Thạch Điếc (không rõ nhân thân) đã lén lút chiếm đoạt chìa khóa xe, thẻ giữ xe đối với chiếc xe 02 bánh gắn máy biển số 59M1-374.54 của bà Nguyễn Thị Tường V đang gửi tại khách sạn trên. Sau đó Thạch Điếc đưa chìa khóa xe, thẻ giữ xe trên cho bị cáo T và bị cáo T đã vào nơi giữ xe, đưa thẻ giữ xe cho người giữ xe và chiếm đoạt chiếc xe trên, đi bán được 4.000.000 đồng.

Bị cáo T đã mang được chiếc xe trên ra khỏi nơi giữ xe, chiếm đoạt được chiếc xe trên mà không thực hiện hành vi gian dối nào với người giữ xe ngoài việc đưa đúng thẻ giữ xe cho người giữ xe mà trước đó người giữ xe đã đưa cho bà V và bà V không phát hiện đã bị lén lút chiếm đoạt thẻ giữ xe. Do đó, hành vi của Thạch Điếc lén lút chiếm đoạt thẻ giữ xe của bà V và hành vi của bị cáo T lén lút bà V mang chiếc xe trên ra khỏi nơi giữ là chuỗi hành vi có tính chất lén lút gắn liền nhau để hoàn thành hành vi chiếm đoạt chiếc xe trên của bà V.

Kết luận định giá tài sản số 78/KL-HĐĐGTTTHS ngày 14/02/2017 của Hội đồng định giá trong tố tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân kết luận 01 xe mô tô hiệu Honda Vision mang biển số 59M1-374.54 có giá trị là 24.000.000 đồng

Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi này của bị cáo T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự.

Vụ thứ hai:

Vào khoảng rạng sáng ngày 22/10/2016, khi phát hiện trên quầy lễ tân có chìa khóa xe của xe mô tô hiệu Honda Vision mang biển số 66P1-610.33 đang để ở ngay trước khách sạn K phường B, quận Bình Tân, Thành phố Hồ Chí Minh, không có người coi giữ, bị cáo Tú đã lén lút chiếm đoạt chìa khóa xe và chiếm đoạt chiếc xe trên.

Kết luận định giá tài sản số 78/KL-HĐĐGTTHS ngày 14/02/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân quận Bình Tân xác định xe mô tô hiệu Honda Vision mang biển số 66P1-610.03 có giá trị là 30.000.000 đồng.

Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi này của bị cáo T đã phạm vào tội "Trộm cắp tài sản". Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 Bộ luật hình sự.

Như vậy, ngoài hành vi cùng đồng phạm với các bị cáo L, V trong việc chiếm đoạt 01 xe 02 bánh gắn máy hiệu Suzuki, biển số 55P4-3896 của ông Đặng Hồng L, bị cáo T còn thực hiện 02 hành vi trộm cắp tài sản khác như vừa nêu trên. Các hành vi phạm tội của bị cáo Tú liên tiếp nhau về thời gian, đồng thời bản thân bị cáo T không nghề nghiệp và lấy tài sản chiếm đoạt được trong các vụ trộm cắp tài sản nêu trên làm nguồn sống chính, do đó cần xác định giá trị tài sản mà bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự bằng tổng giá trị tài sản trong các vụ trộm cắp tài sản mà bị cáo T đã thực hiện.

Tổng giá trị tài sản mà bị cáo T đã chiếm đoạt trong 03 vụ trên là 62.500.000 đồng. Do đó, có đủ cơ sở để kết luận hành vi của bị cáo T đã phạm tội trộm cắp tài sản theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự.

Cáo trạng số 61/CT-VKS ngày 08/03/2017 của Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân truy tố bị cáo Trần Cẩm T về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm e khoản 2 Điều 138 Bộ luật hình sự; các bị cáo Ngô Chí L, Vương Hùng V về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự và ý kiến phát biểu tại phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Bình Tân đánh giá nội dung vụ án, hành vi phạm tội của các bị cáo, giữ nguyên quyết định truy tố đối với các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo thuộc trường hợp cố ý phạm tội, nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác, ảnh hưởng xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội.

Về hành vi cụ thể và vai trò của từng bị cáo trong vụ trộm cắp 01 xe mô tô hiệu Suzuki, biển số 55P4-3896 của ông Đặng Hồng L là vụ án có đồng phạm nhưng mang tính giản đơn. Trong đó, các bị cáo đều tích cực thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo L là người rủ và dùng phương tiện xe mô tô chở bị cáo T đến địa điểm thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, đồng thời là người cảnh giới để bị cáo V thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Bị cáo T là người chuẩn bị công cụ phạm tội là bộ đoạn (là bộ dụng cụ bằng kim loại dùng để phá các ổ khóa công tắc, ổ khóa cổ xe mô tô), là người trực tiếp đưa bộ đoạn cho bị cáo V, là người cùng cảnh giới với bị cáo L và là người trực tiếp điều khiển chiếc xe trên sau khi bị cáo V chiếm đoạt được. Bị cáo V là người trực tiếp sử dụng bộ đoạn để thực hiện hành vi phá ổ khóa xe, nổ máy xe và chiếm đoạt chiếc xe trên. Như vậy, trong vụ án này, mặc dù không giữ vai trò là người chủ mưu, cầm đầu, nhưng bị cáo L giữ vai trò rủ và phối hợp với các bị cáo T, V thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo T, V giữ vai trò tích cực, trực tiếp thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần áp dụng

hình phạt tù có thời hạn, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của từng bị cáo, nhằm trừng trị răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

Bị cáo T liên tiếp thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản, thể hiện ý thức xem thường pháp luật, có lối sống lệch lạc, lấy việc phạm tội làm nguồn sống chính, nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian dài cần thiết để bảo đảm tính răn đe, giáo dục riêng và phòng ngừa chung cho xã hội.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo T thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu người bị hại – bà Nguyễn Thị Ngọc D, nên cần áp dụng các điểm p, khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt.

Các bị cáo L, V đều thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và trả cho người bị hại, người bị hại cũng không có yêu cầu bồi thường, bản thân các bị cáo có nhân thân tốt trước khi thực hiện hành vi phạm tội, nên cần áp dụng thêm các điểm g, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự:

Người bị hại – ông Đặng Hồng L đã nhận lại tài sản chiếm đoạt là chiếc xe mô tô hiệu Suzuki mang biển số 55P4-3896 và không có yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Vương Thành N đã nhận số tiền bồi thường 18.800.000 đồng từ ông Phạm Tấn P và không có yêu cầu bồi thường; Người bị hại – bà Nguyễn Thị Tường V đã nhận lại tài sản chiếm đoạt là chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision, biển số 59M1-374.54 và không có yêu cầu bồi thường; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan - ông Trần Hải N không có yêu cầu bồi thường, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà Nguyễn Thị Ngọc D có yêu cầu bị cáo Trần Cẩm T bồi thường thiệt hại cho bà số tiền 30.000.000 đồng do chiếc xe mô tô hiệu Honda Vision mang biển số 66P1-610.33 của bà bị chiếm đoạt không thu hồi được. Tại phiên tòa, bị cáo T tự nguyện đồng ý bồi thường theo yêu cầu của bà D, sự tự nguyện của bị cáo T là phù hợp với quy định của pháp luật nên cần ghi nhận.

Về xử lý vật chứng:

- 01 bộ đoạn để phá khóa gồm mũi đoạn và thân đoạn hình chữ L, 01 cây mở khóa hiệu Vakio, 01 cây vít dẹp thử điện, 01 cây kèm cộng lực, là công cụ phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.
- 01 điện thoại di động hiệu Mobiistar thu giữ của Ngô Chí L, là phương tiện dùng để liên lạc với Vương Hùng V và Trần Cẩm T để cùng thực hiện hành vi phạm tội, còn giá trị sử dụng, nên cần tịch thu sung quỹ.

Về án phí:

Mỗi bị cáo phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Tuyên bố các bị cáo **Trần Cẩm T, Ngô Chí L, Vương Hùng V** phạm tội "Trộm cắp tài sản".

2/ Áp dụng điểm e, khoản 2 Điều 138, điểm p, khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, Xử phạt **Trần Cẩm T 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 12 tháng 12 năm 2016.

3/ Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự,

Xử phạt **Ngô Chí L 07 (bảy) tháng 17 (mười bảy) ngày tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2016.

Ra quyết định trả tự do cho bị cáo Ngô Chí L nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

4/ Áp dụng khoản 1 Điều 138, điểm g, h, p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự, Điều 227 Bộ luật tố tụng hình sự,

Xử phạt **Vương Hùng V 07 (bảy) tháng 17 (mười bảy) ngày tù.**

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 14 tháng 12 năm 2016.

Ra quyết định trả tự do cho bị cáo Vương Hùng V nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

5/ Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự,

- Tịch thu tiêu hủy 01 bộ đồ án để phá khóa gồm mũ đồ án và thân đồ án hình chữ L, 01 cây mở khóa hiệu Vakio, 01 cây vít dẹp thử điện, 01 cây kèm cộng lực.
- Tịch thu sung quỹ 01 điện thoại di động hiệu Mobistar, số imei: 352247/02/245138/0.

(Biên bản giao nhận vật chứng ngày 27 tháng 02 năm 2017).

6/ Áp dụng Điều 42 Bộ luật hình sự, Điều 584, 585, 589 Bộ luật dân sự.

Buộc bị cáo Trần Cẩm T bồi thường cho chị Nguyễn Thị Ngọc D số tiền là 30.000.000 (ba mươi triệu) đồng.

Việc bồi thường số tiền trên được thực hiện một lần ngay khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

7/ Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Mỗi bị cáo Trần Cẩm T, Ngô Chí L, Vương Hùng V phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Trần Cẩm T phải chịu 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

8/ Áp dụng khoản 2 Điều 305 của Bộ luật dân sự năm 2005; Thông tư liên tịch số 01/TTLT ngày 19 tháng 6 năm 1997 của Tòa án nhân dân Tối cao, Viện kiểm sát nhân dân Tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Tài chính hướng dẫn việc xét xử và thi hành án về tài sản,

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, và ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành xong khoản tiền buộc nộp phạt, tiền bồi thường nêu trên, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm tiền lãi của phần tiền chưa thi hành theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

9/ Các bị cáo, người bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tuyên án, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày được tính từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Bản án được thi hành theo Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đã giải thích việc thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.BTÂN;
- CA Q.BTÂN;
- CQ THA Q.BTÂN;
- Phòng PC64- CATPHCM;
- Sở Tư pháp;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ –Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán –Chủ tọa phiên tòa

Huỳnh Nhất Bình